

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 5 Điều 211, Điều 212 và Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 52 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/6/2016;

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 788/2025/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Nguyễn Quang M, sinh năm 1969

HKTT: Số B đường T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Bà Đoàn Thị D, sinh năm 1988

HKTT: Số A Đường A, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Căn hộ A, Tầng B, khối C, Khu chung cư cao tầng kết hợp TM-DV tại lô BC, Đường số A, Khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành của các đương sự ngày 22 tháng 4 năm 2025, bà Đoàn Thị D và ông Nguyễn Quang M thỏa thuận:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị D và ông Nguyễn Quang M thuận tình ly hôn. Về con chung: Bà D và ông M có 01 con chung tên Nguyễn Đoàn Hồng B (nữ), sinh ngày 25/10/2016. Hai bên thống nhất giao con chung tên Nguyễn Đoàn Hồng B cho bà D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông M không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Không có. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà D và ông M phải nộp.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quang M, sinh năm 1969 và bà Đoàn Thị D, sinh năm 1988 thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Đoàn Hồng B (nữ), sinh ngày 25/10/2016. Hai bên thống nhất giao con chung tên Nguyễn Đoàn Hồng B cho bà D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông M không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

1.3. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

1.4. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông M và bà D phải chịu, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông M và bà D đã nộp theo biên lai thu số 0073959 ngày 01/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thanh